

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 1927/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng  
huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.*

*Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú tại Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 12/9/2022, Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 30/9/2022 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 08/BCTĐQH-SXD ngày 01/8/2022 và Công văn số 1224/SXD-QHKT&PTĐT ngày 09/9/2022 của Sở Xây dựng).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và giai đoạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Trà Cú với tổng diện tích tự nhiên là 317,53 km<sup>2</sup>, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Tiểu Cần và huyện Châu Thành.
- Phía Đông giáp huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải.
- Phía Nam giáp với huyện Duyên Hải.
- Phía Tây giáp sông Hậu.

1.2. Giai đoạn lập quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2040.

2. Mục tiêu quy hoạch

- Mục tiêu chung: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh gắn với mục tiêu, định hướng tái cơ cấu nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn phát triển; phát triển du lịch, dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp phù hợp với quá trình đô thị hóa; hình thành khu vực dân cư và cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp huyện phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; nâng cao điều

kiện sống cho người dân. Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Hoàn thành tiêu chí số 01 về quy hoạch để huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023; quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú phải phù hợp với đề án xây dựng huyện nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô thị và đảm bảo tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, phát huy sức mạnh tổng hợp các thế mạnh, tiềm năng và lợi thế của vùng đảm bảo phát triển hài hòa bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Nghiên cứu đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, phát triển dân cư, xây dựng mô hình phát triển không gian vùng huyện, phân cấp hệ thống đô thị, xác định tính chất đô thị và lựa chọn mô hình phát triển đô thị. Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội, các khu dân cư nông thôn. Trong đó, xác định vùng động lực phát triển kinh tế xã hội, góp phần phát triển kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

- Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm xã, các cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, đảm bảo phục vụ cho tiểu vùng trong huyện nhằm phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn trong tiểu vùng.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

### 3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

- Là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh, cửa ngõ giao thương hàng hải quốc tế, đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông qua luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu và các bến cảng.

- Là vùng nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao, chủ yếu phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản. Phát triển du lịch sinh thái, công nghiệp nhẹ tập trung, chế biến các sản phẩm nông nghiệp. Là huyện nông thôn mới của tỉnh.

#### 4. Các dự báo phát triển vùng

##### 4.1. Dự báo về dân số, lao động

- Đến năm 2030, tổng dân số toàn huyện dự báo khoảng 167.500 người (trong đó: Đô thị 22.500 người; nông thôn 145.000 người).

- Đến năm 2040, tổng dân số toàn huyện dự báo khoảng 195.800 người (trong đó: Đô thị 38.100 người; nông thôn 157.700 người).

- Lao động: Dự kiến đến năm 2030 khoảng 102.170 người, chiếm 61% tổng dân số; đến năm 2040 khoảng 119.900 người, chiếm 61,2% dân số.

##### 4.2. Dự báo về nhu cầu đất đai

- Đất đô thị: Diện tích đất đô thị là 802,03 ha cho giai đoạn đến năm 2030 và 2040 (diện tích thị trấn Trà Cú + thị trấn Định An).

- Đất ở: Giai đoạn đến năm 2030, diện tích đất ở đô thị dự báo tăng 64,21 ha, bình quân 58 m<sup>2</sup>/người; đất ở nông thôn dự báo là 276,44 ha (bình quân 70 m<sup>2</sup>/ người). Giai đoạn đến năm 2040, diện tích đất ở đô thị tăng thêm là 70,88ha (bình quân 50 m<sup>2</sup>/người); đất ở nông thôn là khoảng 50,39 ha (bình quân 70 m<sup>2</sup>/người).

- Đất khu, cụm công nghiệp:

+ Giai đoạn đến 2030: khoảng 181,52 ha đất công nghiệp, dự kiến tỷ lệ lấp đầy trung bình trên 60%.

+ Giai đoạn đến 2040: khoảng 261,52 ha đất công nghiệp. Phát triển trên quỹ đất công nghiệp hình thành trong giai đoạn 2030, tiếp tục hình thành mới 02 cụm công nghiệp. Dự kiến tăng tỷ lệ lấp đầy khoảng 80%.

#### 5. Định hướng phát triển không gian vùng

##### 5.1. Mô hình cấu trúc phát triển vùng

Các trục không gian kinh tế chính:

- Có 08 trục dọc theo hướng Bắc Nam, trong đó có 04 trục dọc chính và 04 trục dọc phụ.

+ 04 trục dọc chính gồm: Trục dọc chính 1: Quốc lộ 53; Trục dọc chính 2: Quốc lộ 54; Trục dọc chính 3: Đường tỉnh 911 (được nâng cấp từ Đường huyện 25); Trục dọc chính 4: Đường tỉnh 915.

+ 04 trục dọc phụ gồm: Trục dọc phụ 1: Nối Quốc lộ 53 và Quốc lộ 54; Trục dọc phụ 2: Ngã 3 Tập Sơn đi huyện Tiểu Cần; Trục dọc phụ 3: Nối Quốc lộ 53 và Quốc lộ 54; Trục dọc phụ 4: Nối Quốc lộ 54 và Đường tỉnh 914.

- Có 06 trục ngang theo hướng Đông Tây, trong đó có 03 trục ngang chính và 03 trục ngang phụ.

+ 03 trục ngang chính gồm: Trục ngang chính 1: Quốc lộ 54 + Đường huyện 27; Trục ngang chính 2: Đường huyện 36; Trục ngang chính 3: Quốc lộ 60 mới.

+ 03 trục ngang phụ gồm: Trục ngang phụ 1: Đường huyện 12; Trục ngang phụ 2: Đường huyện 18; Trục ngang phụ 3: Đường huyện 28 kéo dài.

- Điểm đô thị hạt nhân:

+ Thị trấn Trà Cú: Đô thị loại V, trung tâm Tiểu vùng I (Tiểu vùng trung tâm), là trung tâm về hành chính, chính trị, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại dịch vụ, du lịch. Phát triển theo tiêu chí đô thị loại IV.

+ Thị trấn Định An: Đô thị loại V, trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại, dịch vụ. Phát triển theo tiêu chí đô thị loại IV.

## 5.2. Phân vùng phát triển

### 5.2.1. Tiểu vùng I (Tiểu vùng trung tâm, kinh tế động lực)

- Bao gồm thị trấn Trà Cú, xã Thanh Sơn, xã Ngãi Xuyên, xã Tập Sơn.

- Quy mô đất: 5.700 ha.

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: 40.400 người.

+ Đến năm 2040: 59.800 người.

- Trung tâm tiểu vùng: Thị trấn huyện lỵ Trà Cú.

- Định hướng phát triển: Trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, chuyên giao công nghệ, thương mại dịch vụ, du lịch.

+ Đến năm 2030: Hoàn thiện trung tâm hành chính chính trị, văn hóa xã hội của huyện; phát triển đô thị, dịch vụ công nghiệp, dịch vụ thương mại; giáo dục đào tạo. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu vực thị trấn, tạo động lực phát triển cho toàn huyện.

+ Đến năm 2040: Mở rộng không gian đô thị khu vực thị trấn Trà Cú và vùng phụ cận về phía Tây xã Thanh Sơn, phía Nam xã Ngãi Xuyên và phía Đông xã Kim Sơn. Xây dựng đô thị Trà Cú theo các tiêu chí của đô thị loại IV.

### 5.2.2. Tiểu vùng II (Tiểu vùng phía Nam)

- Bao gồm thị trấn Định An, xã Đại An, xã Định An, xã Hàm Tân, xã Hàm Giang.

- Quy mô đất: 6.986 ha.

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: 41.900 người

+ Đến năm 2040: 53.800 người.

- Trung tâm tiểu vùng: Xã Đại An.

- Định hướng phát triển: Phát triển thương mại dịch vụ đa ngành, đầu mối giao thông vận tải, cảng và dịch vụ cảng, du lịch văn hóa tín ngưỡng kết hợp làng nghề.

+ Đến năm 2030: Trên cơ sở phát triển Khu kinh tế Định An, tạo động lực phát triển cho toàn vùng. Xây dựng trung tâm tiểu vùng tại xã Đại An đồng bộ về mặt hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Hình thành trung tâm hỗ trợ sản xuất tại xã Đại An. Hình thành khu dịch vụ, sản xuất công nghiệp 150ha tại khu vực cảng Trà Cú.

+ Đến năm 2040: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của các xã. Xây dựng thị trấn Định An theo tiêu chí của đô thị loại IV.

### 5.2.3. Tiểu vùng III (Tiểu vùng phía Tây)

- Bao gồm xã Lưu Nghiệp Anh, xã An Quảng Hữu, xã Tân Sơn và xã Kim Sơn.

- Quy mô đất: 9.321 ha

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: 41.000 người

+ Đến năm 2040: 44.800 người.

- Trung tâm tiểu vùng: xã Lưu Nghiệp Anh.

- Định hướng phát triển: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng 03 cụm công nghiệp tại xã Lưu Nghiệp Anh và An Quảng Hữu. Xây dựng ngành nông nghiệp công nghệ cao, tạo các vùng chuyên canh trong và ngoài đê bao Nam Măng Thít (vùng ngọt và vùng mặn).

+ Đến năm 2030: Hình thành cụm công nghiệp Lưu Nghiệp Anh, quy mô khoảng 31,52 ha, nhằm thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển cho vùng cũng như toàn huyện. Tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu vực trung tâm tiểu vùng tại khu vực xã Lưu Nghiệp Anh. Xây dựng các vùng chuyên canh nông nghiệp: Khu vực trong đê bao Nam Măng Thít bố trí sản xuất lúa, màu,...; khu vực ngoài đê bao Nam Măng Thít bố trí sản xuất chuyên nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, trồng mía, cây ăn trái, cây công nghiệp lâu năm...

+ Đến năm 2040: Hình thành 02 cụm công nghiệp: Xoài Lơ (xã Lưu Nghiệp Anh) và An Quảng Hữu (xã An Quảng Hữu). Quy mô dự kiến mỗi cụm

công nghiệp khoảng 40 ha. Hoàn thiện hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của các xã. Hình thành trung tâm hỗ trợ sản xuất tại khu vực trung tâm tiểu vùng xã Lưu Nghiệp Anh.

#### 5.2.4. Tiểu vùng IV (Tiểu vùng phía Đông)

- Bao gồm xã Phước Hưng, xã Tân Hiệp, xã Long Hiệp và xã Ngọc Biên.

- Quy mô đất: 9.746 ha

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: 44.200 người

+ Đến năm 2040: 47.400 người.

- Trung tâm tiểu vùng: xã Long Hiệp.

- Định hướng phát triển: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp hình thành các trung tâm hỗ trợ sản xuất cho vùng cũng như toàn huyện, kết hợp du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm.

+ Đến năm 2030: Phát triển nông nghiệp năng suất cao, áp dụng công nghệ cao với các loại cây, con chuyên canh vùng trong đê bao Nam Mãng Thít (vùng ngọt), mở các tuyến du lịch trải nghiệm về các vùng nông nghiệp công nghệ cao. Hình thành trung tâm hỗ trợ sản xuất tại khu vực trung tâm tiểu vùng xã Long Hiệp.

+ Đến năm 2040: Hoàn thiện hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của các xã. Hình thành trung tâm hỗ trợ sản xuất tại 03 xã Phước Hưng, Tân Hiệp, Ngọc Biên.

### 5.3. Định hướng phân bố không gian phát triển kinh tế

#### 5.3.1. Phân bố không gian phát triển công nghiệp

\* Đến năm 2030:

- Xây dựng cụm công nghiệp Lưu Nghiệp Anh: Cụm công nghiệp nằm ở vị trí lợi thế về giao thông thủy lẫn giao thông bộ như giáp sông Trà Cú về phía Nam và có tuyến đường Đường huyện 28 nối với Quốc lộ 54, Đường tỉnh 915 đi Khu kinh tế Định An và tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, cụm công nghiệp cách trung tâm huyện Trà Cú khoảng 02 km, có ưu thế về mặt lưu thông trao đổi hàng hóa giữa các xã và với các tỉnh, thành phố lân cận. Quy mô dự kiến: 31,52 ha.

- Bổ sung và mở rộng diện tích khu đất dịch vụ, sản xuất công nghiệp từ 20 ha lên 150 ha tại khu vực cảng Trà Cú (theo Quyết định 723/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030).

\* Đến năm 2040: Xây dựng 02 cụm công nghiệp trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

- Cụm công nghiệp Xoài Lơ, xã Lưu Nghiệp Anh: Cụm công nghiệp nằm ở vị trí lợi thế về giao thông thủy lẫn giao thông bộ như giáp sông Hậu về phía Tây và có tuyến đường Đường huyện 28 nối với Quốc lộ 54, Đường tỉnh 915 đi khu Kinh tế Định An và tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, cụm công nghiệp cách trung tâm huyện Trà Cú khoảng 12 km, có ưu thế về mặt lưu thông trao đổi hàng hóa giữa các xã và với các tỉnh, thành phố lân cận. Quy mô dự kiến: 40 ha.

- Cụm công nghiệp An Quảng Hữu: Cụm công nghiệp nằm ở vị trí lợi thế về giao thông thủy lẫn giao thông bộ như giáp Đường huyện 28 nối với Đường huyện 27, Quốc lộ 54, Đường tỉnh 915 đi Khu kinh tế Định An và tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, cụm công nghiệp cách trung tâm huyện Trà Cú khoảng 09 km, có ưu thế về mặt lưu thông trao đổi hàng hóa giữa các xã và với các tỉnh, thành phố lân cận. Quy mô dự kiến: 40 ha.

- Xây dựng và phát triển công nghiệp chế biến nông sản khai thác các vùng nguyên liệu tại chỗ. Tăng cường hợp tác liên kết giữa các ngành, các doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ cho nông nghiệp.

- Tích cực xúc tiến thương mại tìm kiếm đối tác, khai thác các nguồn vốn, công nghệ để phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

### 5.3.2. Phân bố không gian phát triển nông nghiệp

\* Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp:

- Đến năm 2030: Tập trung trồng mới, tăng diện tích trồng các loại cây chủ lực trên địa bàn huyện (lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao, rau màu, dừa). Tăng quy mô chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Cụ thể:

+ Khu vực trong đê bao Nam Măng Thít: Địa bàn các xã Phước Hưng, Tân Hiệp, Long Hiệp, Ngọc Biên, Hàm Giang và một phần các xã Tập Sơn, Ngãi Xuyên, thị trấn Trà Cú, Thanh Sơn, Đại An được bố trí sản xuất lúa, màu,...

+ Khu vực ngoài đê bao Nam Măng Thít: Địa bàn thuộc các xã An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh và một phần xã Tập Sơn, Ngãi Xuyên, thị trấn Trà Cú, Thanh Sơn và Hàm Tân được bố trí sản xuất, chuyên nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, trồng mía, cây ăn trái, trồng cỏ, cây công nghiệp lâu năm.



+ Khu vực trùng với khu kinh tế Định An: Địa bàn thuộc một phần xã Đại An, Hàm Giang và toàn bộ xã Định An có diện tích đất nông nghiệp đưa vào quy hoạch là 2.766,73 ha. Là vùng ngập mặn thường xuyên, được bố trí sản xuất chủ yếu: lúa - tôm sú, chuyên nuôi tôm sú, chuyên nuôi tôm thẻ chân trắng, cua biển và trồng cỏ...

- Đến năm 2040: Tập trung phát triển các ngành chế biến sâu sau thu hoạch các sản phẩm về nông, lâm nghiệp, tiếp tục phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiến tới nền nông nghiệp hiện đại. Tiếp tục phát triển các vùng trồng lúa chất lượng cao tại tiểu vùng phía Đông và tiểu vùng trung tâm. Phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp phục vụ du lịch trải nghiệm.

\* Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn: Hình thành 03 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn tại trung tâm xã Lư Nghiệp Anh, xã Long Hiệp và xã Đại An, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu phục vụ sản xuất và tiêu thụ hàng hóa trên địa bàn huyện.

### 5.3.3. Phân bố không gian phát triển du lịch

\* Đến năm 2030:

- Xây dựng hạ tầng du lịch gắn kết du lịch huyện Trà Cú với du lịch toàn tỉnh và miền Tây Nam Bộ.

- Xây dựng hệ thống công trình thương mại dịch vụ tại các tiểu vùng, trên địa bàn toàn huyện, phục vụ nhu cầu giao thương hàng hóa và du lịch. Không gian du lịch gồm: thị trấn Trà Cú, thị trấn Định An, các xã Đại An, Hàm Tân, Hàm Giang, Tân Hiệp. Dự kiến phát triển các tuyến du lịch như: Tuyến du lịch thành phố Trà Vinh - Châu Thành - Trà Cú - Duyên Hải, tuyến du lịch Trà Cú - Sóc Trăng, tuyến du lịch dọc sông Hậu.

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và điều kiện phát triển du lịch huyện Trà Cú như: hệ thống di tích danh thắng (chùa và các cơ sở thờ tự tôn giáo), các lễ hội văn hóa đặc sắc như: “múa chầu”, nhạc “Ngũ âm”, các trò chơi dân gian, các lễ hội: Chol Chnam Thmay, Sen Dolta, Ok Om Bok, lễ mừng Chúa giáng sinh, lễ thượng ngư, trung ngôn, Tết Nguyên tiêu,... và hệ thống các làng nghề như làng nghề dệt chiếu, đan lát, thủ công mỹ nghệ,...

- Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển du lịch trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về du lịch nông thôn, du lịch sinh thái gắn với đẩy mạnh phát triển các sản phẩm OCOP truyền thống.

\* Đến năm 2040: Tiếp tục tôn tạo, nâng cấp các điểm du lịch, hoàn thiện các kết nối các điểm du lịch trên địa bàn. Mở rộng và phát triển các loại hình du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch thu hút du khách.

#### 5.3.4. Xác định các vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên

- Vùng cảnh quan sông nước, kênh rạch phục vụ cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái.

- Các khu vực phát triển mới không được làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước mặt, cấp nước sản xuất của các khu vực hiện hữu, phải tính toán giảm thiểu thiệt hại do tác động của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

#### 5.3.5. Phân bố các không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

\* Hệ thống trụ sở cơ quan:

- Đến năm 2030: Chính trang, cải tạo trụ sở các xã, thị trấn tại vị trí hiện trạng, bảo đảm ổn định hoạt động, nâng cấp chất lượng phục vụ thông qua các công nghệ mới, hoàn thiện hệ thống tiện nghi, cảnh quan công trình.

- Đến năm 2040: Tiếp tục nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan hành chính của các đô thị và trụ sở các xã, đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn huyện.

\* Hệ thống thương mại dịch vụ:

- Đến năm 2030: Xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị gắn với thị trấn Trà Cú, thị trấn Định An. Hình thành các chợ chuyên doanh nông sản tại các xã Long Hiệp, Lưu Nghiệp Anh, Đại An và Tập Sơn, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa, phục vụ yêu cầu phát triển du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Phát triển ít nhất 02 siêu thị tại thị trấn Trà Cú.

- Đến năm 2040: Hoàn thiện hệ thống thương mại, dịch vụ tại các xã và thị trấn. Hình thành các khu phố thương mại tại các đô thị và các trung tâm tiểu vùng.

\* Hệ thống y tế:

- Đến năm 2030:

+ Nâng cấp cải tạo trung tâm y tế huyện. Tăng số giường bệnh của trung tâm y tế huyện từ 200 giường lên 300 giường bệnh.

+ Cải tạo nâng cấp trạm y tế tại các xã, thị trấn. Đầu tư trang thiết bị y tế, đảm bảo các cơ sở y tế đạt chuẩn 7 giường bệnh/trạm y tế. Tổng số giường bệnh của các trạm y tế xã, thị trấn trên địa bàn huyện năm 2030 là 120 giường bệnh.

+ Tập trung nâng cấp, xây dựng, đầu tư trang thiết bị cho hệ thống y tế dự phòng.

- Đến năm 2040:

+ Tăng tỷ lệ giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn huyện. Hoàn thiện hệ thống y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã trên địa bàn huyện Trà Cú. Tiếp

tục nâng cấp trung tâm y tế huyện, tăng số giường bệnh của bệnh viện đa khoa lên 400-500 giường.

+ Cải tạo nâng cấp trạm y tế các xã, thị trấn đạt 7-10 giường/trạm. Tổng số giường bệnh của các trạm y tế xã, thị trấn trên địa bàn huyện là 120-150 giường bệnh.

+ Đầu tư và nâng cấp trang thiết bị hiện đại và đầy đủ cho các cơ sở y tế.

\* Hệ thống giáo dục:

- Đến năm 2030:

+ Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất hệ thống giáo dục phổ thông. Các trường hiện nay đã đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1, phấn đấu theo chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Liên kết cùng với giáo dục phổ thông huy động số học sinh trong độ tuổi ra lớp và thực hiện công tác tư vấn nghề và hướng nghiệp cho học sinh THPT.

- Đến năm 2040:

+ Tiếp tục xây dựng hệ thống giáo dục đào tạo phát triển cân đối, đồng bộ. Cải tạo, nâng cấp hệ thống trường học từ mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn huyện. Hoàn thiện cơ sở vật chất các trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1 ở giai đoạn 2030, nâng cấp lên chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các trường THPT hiện có để đáp ứng nhu cầu phục vụ.

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Tập trung đầu tư, phát triển giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề trên địa bàn huyện. Đảm bảo cơ sở dạy nghề có đủ năng lực đào tạo một số nghề đạt chuẩn quốc gia, nhằm đáp ứng nhu cầu lao động.

\* Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao:

- Đến năm 2030:

+ Xây dựng hoàn thiện trung tâm văn hóa thông tin và thể thao của huyện Trà Cú với đầy đủ các công trình chức năng, gồm công trình đa năng tập luyện thể dục thể thao, sân vận động, các sân thể thao cơ bản,... đáp ứng tiêu chí công trình thể dục, thể thao cấp huyện.

+ Hoàn thiện hệ thống văn hóa xã. Cải tạo nâng cấp, xây dựng mới các nhà văn hóa cộng đồng, đảm bảo 100% tổng số ấp, khóm có nhà văn hóa cộng đồng. Đảm bảo 100% nhà văn hóa các xã, thị trấn có hội trường quy mô 200 - 300 chỗ.

+ Bố trí đầy đủ sân thể dục thể thao các xã và sân thể thao tại các khu dân cư. Xây dựng sân bóng đá kết hợp với các môn thể thao khác cho 100% các xã, thị trấn. Hỗ trợ sách cho thư viện các xã và tủ sách cho tất cả các nhà văn hóa khu dân cư.

- Đến năm 2040: Hoàn thiện hệ thống văn hóa từ huyện đến xã. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa với mục đích giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống lịch sử, nâng cao các giá trị văn hóa tinh thần và chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

#### 5.4. Định hướng phát triển kinh tế biển

\* Đến năm 2030:

- Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ thì hệ thống cảng biển Trà Vinh được quy hoạch là cảng loại I, gồm có: Khu bến Duyên Hải - Định An với chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh và vùng đồng bằng sông Cửu Long, có bến tổng hợp, container, hàng lỏng/khí, tiếp nhận tàu trọng tải đến 50.000 tấn; Khu bến cảng Trà Cú - Kim Sơn với chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh, có bến tổng hợp, hàng lỏng/khí, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000 tấn; Các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển Trà Vinh tại khu vực Duyên Hải - Định An và các khu vực khác đủ điều kiện.

- Về nuôi trồng thủy sản, khuyến khích nông dân chuyển đổi từ các hình thức nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh sang nuôi trồng thâm canh mật độ cao để nâng cao năng suất; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, con giống có chất lượng đưa vào sử dụng phổ biến, tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống địa phương hỗ trợ và tư vấn trực tiếp cho các hộ nuôi thủy sản.

- Về đánh bắt thủy, hải sản, xây dựng các chính sách khuyến khích ngư dân tiếp tục đầu tư nâng cấp tàu có công suất lớn để khai thác đánh bắt xa bờ, củng cố và phát triển các tổ, đội khai thác hải sản, bám biển dài ngày, thực hiện nghiêm các quy định về đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy, hải sản.

\* Đến năm 2040: Tập trung huy động các nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, tận dụng lợi thế để xây dựng huyện Trà Cú trở thành một trong những huyện trọng điểm phát triển kinh tế biển của tỉnh Trà Vinh nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

#### 5.5. Định hướng tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn

##### 5.5.1. Định hướng không gian phát triển đô thị

\* Hệ thống đô thị:

- Đến năm 2030: Cùng cố hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị thị trấn Trà Cú và thị trấn Định An (đô thị loại V), tạo thành trung tâm động lực cho toàn huyện.

- Đến năm 2040:

+ Thị trấn Trà Cú: Cùng cố cơ sở hạ tầng phục vụ đô thị và toàn huyện. Mở rộng không gian thị trấn Trà Cú và vùng phụ cận ra các xã Thanh Sơn, Ngãi Xuyên và Kim Sơn. Xây dựng đô thị Trà Cú theo các tiêu chí của đô thị loại IV.

+ Thị trấn Định An: Cùng cố cơ sở hạ tầng phục vụ đô thị, xây dựng đô thị Định An theo các tiêu chí của đô thị loại IV.

\* Khu vực đô thị hóa:

- Là khu vực trung tâm các tiểu vùng bao gồm 03 xã Lưu Nghiệp Anh, Long Hiệp và xã Đại An.

- Nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng hiện hữu, xây dựng các khu vực phát triển đô thị và khu vực đô thị hóa là vùng đệm kết nối khu vực nông thôn và đô thị, đáp ứng nhu cầu phát triển của huyện đến năm 2040.

5.5.2. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư nông thôn

\* Đến năm 2030:

- Quy mô: Diện tích tự nhiên 30.950,77 ha; dân số: 145.000 người.

- Định hướng phát triển:

+ Không gian điểm dân cư nông thôn bao gồm 15 xã. Các xã trong toàn huyện đều đạt xã nông thôn mới; phát triển 07 xã nông thôn mới nâng cao là Tân Sơn, Tập Sơn, Định An, Lưu Nghiệp Anh, Phước Hưng, Long Hiệp, Hàm Tân và 03 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu là Lưu Nghiệp Anh, Đại An, Long Hiệp.

+ Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho khu vực trung tâm tiểu vùng II, III, IV là các xã Đại An, Lưu Nghiệp Anh, Long Hiệp. Phát triển thương mại dịch vụ hỗ trợ sản xuất và phục vụ du lịch.

+ Đẩy mạnh các tiêu chí về quy hoạch, giao thông, y tế, văn hóa, giáo dục, môi trường. Nghiên cứu quy hoạch chi tiết các điểm dân cư bám dọc các trục giao thông mới hình thành trên địa bàn huyện.

+ Trong quá trình đô thị hóa, quá trình xây dựng nông thôn mới cần kiểm soát theo các khu vực đặc thù, bảo vệ đất nông nghiệp, cung cấp hạ tầng thiết yếu và các dịch vụ khác giúp khu vực nông thôn phát triển linh hoạt trong tương lai và từng bước đô thị hóa trung tâm các xã.

\* Đến năm 2040:

- Quy mô: Diện tích tự nhiên 30.950,77 ha; dân số: 151.300 người.

- Định hướng phát triển:

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn huyện. Cùng cố phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của các xã theo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Xây dựng 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu là xã Tập Sơn, Ngọc Biên, từng bước hoàn thiện tiêu chí các xã còn lại đạt các tiêu chí của xã nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Huy động mọi nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn theo quy hoạch, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Tổ chức không gian các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất nông nghiệp và làng nghề truyền thống kết hợp dịch vụ thương mại, thúc đẩy phát triển du lịch.

## 6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 6.1. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông

#### 6.1.1. Quy hoạch hệ thống đường bộ

##### 6.1.1.1. Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 53: Đoạn tuyến đi qua huyện có chiều dài 13,1km. Là tuyến đường liên thông quan trọng nối huyện Trà Cú với huyện Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. Nâng cấp quy mô đạt cấp III đồng bằng, 2 - 4 làn xe, lộ giới 42,0m; đoạn tránh Quốc lộ 53 qua thị trấn Trà Cú chiều dài 4,2km và trung tâm xã Hàm Giang chiều dài 1,8km, nâng cấp quy mô đạt cấp III đồng bằng, 2 làn xe, lộ giới 42,0m.

- Quốc lộ 54: Đoạn tuyến đi qua huyện có chiều dài 16,6km. Là tuyến đường kết nối từ tỉnh Vĩnh Long qua huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến giao Quốc lộ 53 tại thành phố Trà Vinh. Chia làm 02 đoạn:

+ Đoạn 1: từ ranh giới tỉnh Vĩnh Long, đến giao Quốc lộ 53 (xã Tập Sơn, huyện Trà Cú), nâng cấp quy mô đạt cấp III đồng bằng, 2-4 làn xe, lộ giới 42,0m.

+ Đoạn 2: từ giao Quốc lộ 53 (xã Tập Sơn, huyện Trà Cú), đến giao Quốc lộ 53 thành phố Trà Vinh, nâng cấp quy mô đạt cấp III đồng bằng, 2-4 làn xe, lộ giới 42,0m.

- Quốc lộ 60 mới: Đoạn đi qua huyện dài 6,5km. Là đoạn tuyến xây dựng mới để kết nối cầu Đại Ngãi, xây mới quy mô đạt cấp II (2-6 làn xe), lộ giới 60m.

- Đường tỉnh 911: Đoạn 1 chiều dài 10,3km, kéo dài kết nối với Quốc lộ 53 đoạn qua huyện Duyên Hải; đoạn 2 chiều dài 3,1km, xây dựng mới tuyến đường, điểm đầu giao với Quốc lộ 54 tại xã Phước Hưng, đi song song kênh 3-2 và điểm cuối kết nối với Đường tỉnh 912 huyện Tiểu Cần. Khi tuyến đường hình thành sẽ tạo thành tuyến trục dọc xuyên suốt chiều dài của tỉnh, tạo thuận lợi để giao lưu, trao đổi hàng hóa giữa các địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế của toàn tỉnh. Nâng cấp mở rộng quy mô đạt cấp III đồng bằng, 2-4 làn xe.

- Đường tỉnh 914: Đoạn qua huyện có chiều dài 1,6km, điểm đầu giao Quốc lộ 53 xã Đại An, huyện Trà Cú, điểm cuối giáp đê Hiệp Thạnh thị xã Duyên Hải. Nâng cấp mở rộng quy mô đạt cấp IV-ĐB, mặt nhựa rộng 7,0m, nền 9,0m. Đoạn tuyến thuộc quy hoạch Khu kinh tế Định An, đề xuất lộ giới 40m để thống nhất lộ giới với đoạn tuyến Đường tỉnh 914 qua huyện Duyên Hải.

- Đường tỉnh 915: Đoạn qua huyện có chiều dài 22,4 km. Là tuyến đường chạy dọc sông Hậu, từ tỉnh Vĩnh Long đi qua huyện Trà Cú, điểm cuối giáp Quốc lộ 53 xã Đại An, huyện Trà Cú. Nâng cấp quy mô đạt cấp III đồng bằng, 2-4 làn xe.

#### 6.1.1.2. Giao thông đối nội:

\* Đường huyện:

- Đường huyện 12:

+ Đoạn 1: Nâng cấp mở rộng đoạn qua huyện có chiều dài 24km, là tuyến kết nối từ xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang đến điểm cuối giáp sông Hậu xã Hàm Giang, huyện Trà Cú. Quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

+ Đoạn 2: Xây dựng mới kéo dài tuyến đi qua xã Ngọc Biên, chiều dài 3,7km. Nâng cấp mở rộng quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

- Đường huyện 17: Nâng cấp mở rộng đoạn qua huyện có chiều dài 0,6km, là tuyến kết nối từ xã Kim Hòa, huyện Cầu Ngang đến Quốc lộ 54 xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, dài 0,6km. Quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, chiều rộng nền đường 9m, chiều rộng mặt đường 7m.

- Đường huyện 18: Nâng cấp mở rộng đoạn qua huyện có chiều dài 12,85km, là tuyến kết nối từ xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú cắt qua Đường tỉnh 911 xã Tân Hiệp đến điểm cuối Quốc lộ 53 xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

- Đường huyện 27: Nâng cấp mở rộng chiều dài 7,6km, điểm đầu Quốc lộ 54 xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, điểm cuối giáp sông Hậu, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

- Đường huyện 28: Nâng cấp mở rộng 02 đoạn tổng chiều dài 11,06km, điểm đầu Quốc lộ 53 xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, điểm cuối Đường huyện 27 xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú:

+ Đoạn 1: Từ Quốc lộ 53 xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, đến gần UBND xã Lưu Nghiệp Anh, dài 4,2km. Nâng cấp quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

+ Đoạn 2: Từ gần UBND xã Lưu Nghiệp Anh, đến Đường huyện 27 xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, dài 6,86km. Nâng cấp quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

- Đường huyện 36: Nâng cấp mở rộng tổng chiều dài 15,6km, điểm đầu giao Đường tỉnh 911 xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, điểm cuối giao Đường tỉnh 915 xã Kim Sơn, huyện Trà Cú, gồm các đoạn sau:

+ Đoạn 1: Từ điểm đầu Đường tỉnh 911 xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, đến Quốc lộ 53, thị trấn Trà Cú, dài 9,57km. Nâng cấp mở rộng quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

+ Đoạn 2: Từ Quốc lộ 53, thị trấn Trà Cú, đến Đường tỉnh 915 xã Kim Sơn, huyện Trà Cú, dài 6,03km. Nâng cấp mở rộng quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

- Các tuyến đường huyện được xây dựng mới. Tổng chiều dài 50,2km.

+ Tuyến đường Đ.1: Xây dựng mới đoạn tuyến có chiều dài 17,0km, điểm đầu nối với Quốc lộ 54 xã Tân Sơn đi qua xã Lưu Hiệp Anh, xã Kim Sơn, đi song song với Đường tỉnh 915 tại cảng Trà Cú, đi qua thị trấn Định An và kết nối về Quốc lộ 53, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

+ Tuyến đường Đ.2: Xây dựng mới đoạn tuyến có chiều dài 6,0km, điểm đầu nối với Quốc lộ 53 thị trấn Trà Cú đi phía sau BCH Quân sự huyện, đi qua thị trấn Trà Cú, xã Hàm Tân, xã Định An, điểm cuối nối với Đường tỉnh 915 tại bên phà Định An, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

+ Tuyến đường Đ.3: Xây dựng mới đoạn tuyến có chiều dài 3,2km, điểm đầu nối với Quốc lộ 53 tại ngã 3 giao Quốc lộ 53 và Quốc lộ 54 xã Tập Sơn, kết nối với Đường tỉnh 912 huyện Tiểu Cần, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

+ Tuyến đường Đ.4: Xây dựng mới đoạn tuyến có chiều dài 12km, điểm đầu nối với Quốc lộ 53 tại xã Hàm Giang, đi qua xã Thanh Sơn, Ngãi Xuyên, Tập Sơn và kết nối vào tuyến đường huyện Đường huyện 38 huyện Tiểu Cần, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.



+ Tuyến đường Đ.5: Xây dựng mới đoạn tuyến có chiều dài 12km, điểm đầu kết nối Đường tỉnh 914 tại xã Hàm Giang, đi qua các xã Long Hiệp, Tân Hiệp và điểm cuối kết nối với Quốc lộ 54 tại xã Phước Hưng, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

+ Tuyến đường Đ.6: Xây dựng mới tổng chiều dài 8,5km, từ điểm đầu giao với Đường tỉnh 911 xã Tân Hiệp đến giao với Quốc lộ 53 xã Ngãi Xuyên, quy mô đạt cấp IV, 2 làn xe, lộ giới 29,0m.

\* Đường đô thị:

- Thị trấn Trà Cú:

+ Đến năm 2030: Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông theo tiêu chí đô thị loại IV. Đường trục chính (Quốc lộ 53 và đường tránh Quốc lộ 53) quy mô bề rộng 24m-36m. Đường liên khu vực quy mô bề rộng 24m. Đường khu vực quy mô bề rộng 18,5m-16m.

+ Đến năm 2040: Hoàn thiện tiêu chí giao thông đô thị loại IV.

- Thị trấn Định An:

+ Đến năm 2030: Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V.

+ Đến năm 2040: Hoàn thiện tiêu chí giao thông đô thị loại V.

\* Hệ thống đường xã và trục chính nội đồng:

- Các tuyến đường trục xã:

+ Đến năm 2030: Nâng cấp cải tạo 100% đường xã đạt tối thiểu loại A - GTNT, các tuyến đường trục xã đạt tiêu chuẩn cấp V, lộ giới 27,5m.

+ Đến năm 2040: Cải tạo, giữ 100% đường xã đạt tối thiểu loại A - GTNT, các tuyến đường trục xã đạt tiêu chuẩn cấp V, lộ giới 27,5m.

- Trục chính nội đồng: Đến năm 2030, đạt từ 50-70%, đến năm 2040, đạt từ 70% - 100% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện phục vụ các hoạt động sản xuất và thu hoạch sản phẩm nông nghiệp. Kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống giao thông đường bộ với hệ thống đường thủy lợi tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, đi lại, phục vụ sản xuất, khai thác nông nghiệp, cứu hộ, cứu nạn... của nhân dân trong vùng.

\* Bến xe:

- Đến năm 2030: Bến xe khách huyện tại vị trí bến xe khách Trà Cú hiện hữu: nâng cấp cải tạo bến xe hiện hữu.

- Đến năm 2040:

- + Chuyển đổi bến xe khách Trà Cú hiện hữu thành bãi đỗ xe.
- + Bến xe khách huyện: Xây dựng bến xe khách huyện mới ra tuyến tránh thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, quy hoạch đạt tiêu chuẩn loại 3.
- + Xây dựng 01 bến xe hàng hóa tại khu vực cảng cá Định An.

#### 6.1.2. Quy hoạch phát triển giao thông đường thủy:

##### \* Sông, kênh do Trung ương quản lý:

- Sông Hậu: Đoạn qua huyện có chiều dài 18km, cấp đặc biệt, chiều rộng trung bình 1,5 km. Giữ nguyên cấp kỹ thuật, chỉ tiến hành nạo vét lòng sông và nạo vét cửa Định An để đảm bảo các thông số kỹ thuật của luồng vận tải theo tiêu chuẩn cấp đặc biệt.

- Kênh Quan Chánh Bó: Đoạn qua huyện có chiều dài 20km, bắt đầu từ cảng Định An đến giao sông Long Toàn, sông Rạch Hầm tạo thành tuyến kênh trục ngang (tuyến kênh nhánh 8) đi qua Duyên Hải, Trà Cú. Quy mô đạt chuẩn cấp đường thủy đặc biệt, là dự án trọng điểm quốc gia với mục tiêu xây dựng luồng cho tàu có trọng tải 10.000 tấn đầy tải và tàu 20.000 tấn giảm tải ra, vào các cảng trên sông Hậu.

##### \* Sông, kênh do tỉnh quản lý:

- Kênh 3/2: Dài 20,3km, bắt đầu từ Kênh Ngang và kết thúc tại cống La Bang (huyện Trà Cú), đạt cấp IV-ĐTND, thiết kế cho tàu sông tự hành  $\leq 200T$ .

- Sông Trà Cú: Dài 12,8km, bắt đầu từ cống Trà Cú đến giao kênh 3/2. Đây là tuyến vận tải thủy quan trọng của huyện Trà Cú, thuộc tuyến kênh nhánh 7 của tỉnh, quy hoạch nâng cấp đạt chuẩn cấp IV-ĐTND, thiết kế cho tàu sông tự hành  $\leq 200T$ .

\* Sông, kênh huyện quản lý: Tổng chiều dài sông kênh rạch do huyện quản lý là 92,5km, gồm 10 tuyến, đa số đạt cấp VI. Đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của người dân địa phương, phục vụ các phương tiện thủy có tải trọng nhỏ. Cải tạo luồng tuyến duy trì đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI, cho phép phương tiện thủy dưới 20 tấn lưu thông, tĩnh không cầu 2,5-3m.

\* Cảng biển: Bến cảng và dịch vụ cảng Trà Cú: đang được đầu tư xây dựng, vị trí nằm bên bờ sông Hậu thuộc địa phận ấp Bến Bạ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú. Là cảng tổng hợp cho tàu tải trọng từ 10.000 tấn đến 20.000 tấn giảm tải, 1 bến cập tàu với tổng chiều dài 180m. Diện tích 30 ha.

\* Cảng chuyên dùng: Cảng cá Định An: tại thị trấn Định An, huyện Trà Cú, có thể tiếp nhận các tàu <800CV, lượng thủy sản thông qua đạt 25.000T/năm, kết hợp làm nơi tránh, trú bão. Quy mô khoảng 5ha (theo quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An).

\* Bến phà hành khách:

- Bến phà Định An vượt sông Hậu, kết nối thị trấn Định An với cù lao Dung tỉnh Sóc Trăng.

- Bến tàu cao tốc Trà Cú - Côn Đảo: Mở mới, phục vụ du lịch tuyến Trà Cú - Côn Đảo.

\* Giao thông công cộng bằng xe buýt:

- Nâng cấp cải tạo Tuyến số 05 từ thành phố Trà Vinh đi huyện Trà Cú, tuyến chạy dọc Quốc lộ 54, Quốc lộ 53.

- Mở mới:

+ Tuyến số 8 (thị trấn Cầu Quan - thị trấn Định An): Từ bến xe thị trấn Cầu Quan (huyện Tiểu Cần) - Quốc lộ 60 - thị trấn Tiểu Cần - Quốc lộ 54 - thị trấn Trà Cú - Quốc lộ 53 - thị trấn Định An.

+ Tuyến số 10 (Cầu Ngang - phà Tà Nị): từ Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây - Quốc lộ 53 - Đường tỉnh 914 - phà Tà Nị, chiều dài tuyến 26,4 km.

- Nâng cấp 01 nhà chờ tại thị trấn Trà Cú.

## 6.2. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật

### 6.2.1. Định hướng cao độ nền

- Thị trấn Trà Cú: Lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 2,3m.

- Thị trấn Định An: Lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 2,2m.

- Khu vực xã Lưu Nghiệp Anh: Lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 2,5m.

- Khu vực các xã Kim Sơn, An Quảng Hữu, Phước Hưng, Tân Hiệp, Thanh Sơn, Tân Sơn, Long Hiệp: Lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 2,3m.

- Khu vực các xã Tập Sơn, Ngọc Biên, Hàm Giang, Ngãi Xuyên: Lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 2,25m.

- Khu vực các xã Đại An, Hàm Tân, Định An: Lựa chọn cao độ xây dựng không chế HXD $\geq$ 2,2m.

### 6.2.2. Giải pháp san nền

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kê gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hở đón nước.

- Đô thị, khu vực cải tạo: Xác định cao độ khống chế với tần suất chống lũ phù hợp với cao độ nền xây dựng hiện trạng. Chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất  $P > 5\%$ .

- Cụm công nghiệp tập trung chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất  $P > 1\%$ .

- Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ khống chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông, rạch chảy qua khu vực dân cư.

### 6.2.3. Định hướng thoát nước mưa

- Lưu vực thoát nước mưa:

+ Lưu vực 1: Phía đông Đường tỉnh 915, diện tích khoảng 1.591 ha. Thoát nước ra trực tiêu chính sông Ngã Ba.

+ Lưu vực 2: Phía Bắc Quốc lộ 54, diện tích khoảng 4.206 ha. Nước mặt chảy theo bề mặt địa hình rồi đổ vào trực thoát nước chính là sông Ông Rùm.

+ Lưu vực 3: Phía Đông Đường tỉnh 915 và phía Nam Quốc lộ 54, diện tích khoảng 16.622 ha. Nước mặt chảy theo bề mặt địa hình tập trung vào trực tiêu chính sông Vàm Trà Cú.

+ Lưu vực 4: Phía Đông Đường tỉnh 915, diện tích khoảng 6.465 ha. Nước mặt chảy theo bề mặt địa hình tập trung vào trực tiêu chính sông Tổng Long và sông Khoen.

- Giải pháp thoát nước mưa:

+ Tiến tới toàn bộ các đô thị và điểm dân cư tập trung đều xây dựng hệ thống thoát nước mưa.

+ Khu vực phát triển theo tiêu chí đô thị loại IV (đô thị Trà Cú, đô thị Định An): Tổ chức hệ thống thoát nước riêng.

+ Các điểm dân cư nông thôn có thể sử dụng hệ thống thoát nước chung để phù hợp với điều kiện kinh tế.

### 6.3. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện

- Nguồn điện: Tiếp tục sử dụng từ nguồn trạm biến áp 110/35/22 kV Trà Cú. Nâng công suất lên 2x63 MVA. Bổ sung nguồn cấp điện cho huyện Trà Cú từ trạm 110 kV Định An công suất 2x63 MVA. Xây dựng mới nhà máy điện sinh khối tại xã Lưu Nghiệp Anh công suất 25 MW.

- Lưới điện cao thế: Cải tạo an toàn lưới điện tuyến đường dây cao thế 110 kV Cầu Kè - Trà Cú - Duyên Trà, tuyến qua ranh giới huyện Trà Cú dài 27km.

- Lưới điện trung thế: Cải tạo nâng cấp các xuất tuyến 22 kV hiện tại từ trạm 110/22 kV Trà Cú bao gồm:

+ Tuyến 471TR: Từ trụ đầu nối cáp ngầm với ĐDK phía trước trạm vượt Quốc lộ 53, rẽ phải đi chung 02 mạch với tuyến 473TR (tuyến 473 mạch trên) đến ngã ba Tập Sơn, rẽ phải dọc theo Quốc lộ 54 hướng về Châu Thành, kết vòng với tuyến 474TV và kết vòng với tuyến 473CN. Cấp điện cho các xã Tập Sơn, Phước Hưng, một phần xã Tân Hiệp.

+ Tuyến 473TR: Từ trụ đầu nối cáp ngầm với ĐDK phía trước trạm vượt Quốc lộ 53, rẽ phải đi chung 02 mạch với tuyến 471TR (tuyến 471 mạch dưới) đến ngã ba Tập Sơn, rẽ trái dọc theo Quốc lộ 54 về Tiểu Cần, kết vòng với tuyến 475CK. Cấp điện cho một phần xã Ngãi Xuyên, xã Tập Sơn, xã An Quảng Hữu.

+ Tuyến 475TR: Từ trụ đầu nối cáp ngầm với ĐDK phía trước trạm vượt Quốc lộ 53, rẽ trái đi chung 02 mạch với tuyến 477TR (tuyến 477 mạch trên), đến ngã ba Lưu Nghiệp Anh rẽ trái dọc theo Quốc lộ 53 đến trụ DS nối tuyến với tuyến 475DT trụ 475DT/192B; kết vòng với tuyến 477TR và 475DT. Cấp điện cho thị trấn Trà Cú, xã Kim Sơn, Thanh Sơn, Hàm Giang, Hàm Tân, Đại An, Định An.

+ Tuyến 477TR: Từ trụ đầu nối cáp ngầm với ĐDK phía trước trạm, rẽ trái đi chung 02 mạch với tuyến 475TR (tuyến 475 mạch dưới) đến ngã ba Lưu Nghiệp Anh, rẽ phải dọc theo Hương lộ 28 về xã Lưu Nghiệp Anh; kết vòng với tuyến 475TR. Cấp điện xã Lưu Nghiệp Anh.

- Xây dựng thêm lộ tuyến 22 kV 479TR cấp điện cho xã Ngãi Xuyên, Tân Hiệp và các phụ tải đường tránh Quốc lộ 53. Kết nối mạch vòng tuyến 475TR và tuyến 475DT.

- Nâng cấp tiết diện các tuyến trực chính đường dây 22 kV các phát tuyến 473TR, 475TR, 477TR, 479TR cho đồng bộ lưới điện và phụ tải.

- Xây dựng thêm lộ ra mới cho trạm 110/22kV Trà Cú: Các phát tuyến 472TR, 474TR, 476TR,... để cung cấp điện cho phụ tải mới phát triển và phụ tải hiện hữu.

- Lưới điện hạ áp và chiếu sáng: Lưới điện hạ áp được thiết kế hình tia trừ các phụ tải khu vực thị trấn có yêu cầu đặc biệt thì phải thiết kế mạch vòng có liên kết dự phòng.

6.4. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc: Định hướng phát triển theo nhu cầu, theo quy hoạch và định hướng chung của tỉnh.

6.5. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

- Cấp nước đô thị: Đảm bảo 100% đô thị được cấp nước tập trung. Nâng cấp, cải tạo và đầu tư xây mới các nhà máy cấp nước.

- Cấp nước công nghiệp: Các điểm, cụm công nghiệp tập trung nằm trong đô thị được cấp nước chung với mạng lưới cấp nước đô thị. Những điểm, cụm công nghiệp tập trung nằm ngoài đô thị tùy thuộc vào tiềm năng nguồn nước của từng khu vực để có lựa chọn nguồn cấp nước riêng biệt.

- Cấp nước nông thôn: Tại những điểm dân cư nông thôn, xây dựng những trạm bơm nước ngầm tập trung, công suất nhỏ khoảng 1.000-2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và có qua xử lý theo quy định.

#### 6.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thoát nước thải:

+ Khu vực đô thị: Sử dụng thoát nước hỗn hợp, nửa riêng; nước mưa và nước thải sinh hoạt sau xử lý chảy chung trong cùng một hệ thống, sử dụng mạng cống bao và giếng tách nước bản; định hướng xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho thị trấn Trà Cú và thị trấn Định An theo quy mô phù hợp quy hoạch.

+ Khu vực nông thôn: Trung tâm các xã, cụm dân cư tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải. Tận dụng các ao, hồ, kênh, rạch hiện có trong khu vực để làm sạch tự nhiên, hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện sống, đảm bảo vệ sinh môi trường. Về dài hạn sử dụng cống bao và các giếng tách nước bản; xây dựng các trạm xử lý nước thải cục bộ để xử lý đảm bảo yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường. Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải công nghiệp: Các nhà máy sản xuất công nghiệp và cụm công nghiệp phải xây dựng công trình xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi xả thải ra môi trường

- Quản lý chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, vận chuyển tập trung tại điểm tập kết. Chất thải rắn được phân loại sơ bộ và được chuyên chở bằng xe chuyên dụng đến khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch.

+ Chất thải rắn công nghiệp: Đối với các cụm công nghiệp việc thu gom vận chuyển tuân theo quy chế quản lý chất thải rắn của cụm công nghiệp. Đối với các cơ sở sản xuất ngoài cụm công nghiệp, tự tổ chức thu gom, vận chuyển hoặc hợp đồng với đơn vị được cấp phép thu gom, vận chuyển. Chất thải rắn

công nghiệp được thu gom, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn công nghiệp theo quy hoạch.

+ Chất thải rắn y tế: Chất thải rắn y tế tại các bệnh viện đa khoa, trạm y tế, phòng khám... sẽ được đưa xe thu gom tại điểm tập kết bệnh viện đa khoa huyện Trà Cú, sau đó được xe chuyên dụng vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn y tế theo quy hoạch.

- Nghĩa trang, nghĩa địa tập trung: Từng bước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống nghĩa trang, nghĩa địa tập trung theo định hướng quy hoạch đảm bảo văn hóa, môi trường.

7. Đánh giá môi trường chiến lược: Thực hiện theo quy định.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Ưu tiên các dự án hạ tầng khung, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối các khu vực phát triển đô thị và nông thôn; ưu tiên các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị giữ vai trò chủ chốt, khu vực các cụm công nghiệp,... để làm động lực phát triển kinh tế huyện; ưu tiên các dự án phục vụ mục tiêu huyện nông thôn mới, các dự án phát triển đô thị Trà Cú và Định An. Các dự án chỉnh trang, nâng cấp các công trình hạ tầng xã hội (công trình công cộng, công viên cây xanh, xử lý nước thải,...) nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng khung về văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, môi trường và hạ tầng kỹ thuật cấp vùng huyện, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

*(Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 theo hồ sơ kèm theo Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú).*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện; cung cấp hồ sơ về Sở Xây dựng lưu trữ đăng tải lên trang thông tin điện tử theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, NN, THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 03

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**